

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÃI BỎ LĨNH VỰC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
CẤP TỈNH								
Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ (02 TTHC)								
1	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao (1.011647)	Một phần	- 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp hồ sơ phải thực hiện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: 65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Trực tiếp; - Dịch vụ Bru chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến	- Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
2	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (1.009478)	Toàn trình	- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan quản lý có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Cơ quan quản lý có thẩm quyền có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. - Đối với hồ sơ đăng ký công	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: 150.000 Đồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo)	- Trực tiếp; - Dịch vụ Bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006. - Nghị định số <u>127/2007/NĐ-CP</u> ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. - Nghị định số <u>132/2008/NĐ-CP</u> ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số <u>74/2018/NĐ-CP</u> ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số <u>132/2008/NĐ-CP</u> ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Thông tư số <u>28/2012/TT-BKHCN</u> ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			bố hợp quy đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố hợp quy để xử lý như sau: + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về					nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. - Thông tư số <u>02/2017/TT-BKHCHN</u> ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>28/2012/TT-BKHCHN</u> ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. - Thông tư số <u>183/2016/TT-BTC</u> ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy. - Thông tư số <u>06/2020/TT-BKHCHN</u> ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			lý do không tiếp nhận hồ sơ.					số <u>132/2008/NĐ-CP</u> ngày 31/12/2008, Nghị định số <u>74/2018/NĐ-CP</u> ngày 15/5/2018, Nghị định số <u>154/2018/NĐ-CP</u> ngày 09/11/2018 và Nghị định số <u>119/2017/NĐ-CP</u> ngày 01 /11 /2017 của Chính phủ. - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Lĩnh vực nông nghiệp (02 TTHC)								
1	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (1.003371)	Toàn trình	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Ủy ban nhân dân tỉnh - Sở Nông nghiệp	- Trực tiếp; - Dịch vụ Bưu chính công ích;	- Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ trưởng Bộ

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
						và Môi trường	- Dịch vụ công trực tuyến	Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (1.003618)	Toàn trình	60 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trung tâm khuyến nông)	- Trực tiếp; - Dịch vụ Bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến	Điều 25, Nghị định <u>83/2018/NĐ-CP</u> ngày 24/5/2018 của Chính phủ quy định Nghị định về khuyến nông. - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
CẤP HUYỆN								
Lĩnh vực nông nghiệp (01 TTHC)								
1	Phê duyệt kế hoạch	Toàn trình	60 ngày	Bộ phận Một	không	Ủy ban nhân	Không quy định	Điều 25, Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	khuyến nông địa phương (cấp huyện) (1.003605)			cửa cấp huyện		dân cấp huyện		khuyến nông - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
CẤP XÃ								
Lĩnh vực nông nghiệp (01 TTHC)								
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã) (1.003596)	Một phần	60 ngày	Bộ phận Một cửa cấp xã	không	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	Điều 25, Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông. - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên, mã số TTHC
CẤP TỈNH	
Lĩnh vực khoa học và công nghệ (02 TTHC)	
1	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao (1.011647)
2	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (1.009478)
Lĩnh vực nông nghiệp (02 TTHC)	
1	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (1.003371)
2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (1.003618)
CẤP HUYỆN	
Lĩnh vực nông nghiệp (01 TTHC)	
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện) (1.003605)
CẤP XÃ	
Lĩnh vực nông nghiệp (01 TTHC)	
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã) (1.003596)